

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
NĂM: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN QUANG DUY. Ngày tháng năm sinh: 11/11/1972
- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng.
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường THCS Yên Hải – Thị xã Quảng Yên.
- Nơi thường trú: Nhà số 07, khu Hợp Thành, phường Đông Mai – Thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 037072000577
ngày cấp 10/5/2021 nơi cấp Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Trần Thị Thế Ngày tháng năm sinh: 20/9/1976
- Nghề nghiệp: Giáo viên
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Trường Tiểu học Đông Mai – thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.
- Nơi thường trú: Nhà số 07, khu Hợp Thành, phường Đông Mai, thị xã Quảng Yên, Quảng Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 022176008728.
ngày cấp 10/5/2021 nơi cấp Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật): không

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất: Đất ở hiện tại - Cấp quyền sử dụng cùng với nhà ở

- Địa chỉ⁽⁸⁾: khu Hợp Thành, Phường Đông Mai – Thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh
- Diện tích⁽⁹⁾: 567 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 4.501.000.000 đ.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Số 3279 ngày 14/9/2017 do UBND thị xã Quảng Yên cấp cho ông: *Nguyễn Quang Duy và bà Trần Thị Thế*.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: : *Nhà và bếp cùng nằm trên thửa đất*.
- 1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): *Không*.
- 1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: *Không*.
- 1.2.1. Thửa thứ nhất: *Không*.
- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):
- 1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): *Kê khai tương tự như thửa thứ nhất. Không*.
- 2. Nhà ở, công trình xây dựng:
- 2.1. Nhà ở:
- 2.1.1. Nhà thứ nhất: *Xây trên thửa đất được cấp quyền sử dụng: Số 3279, tại khu Hợp Thành, Phường Đông Mai – Thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh*
- Địa chỉ: *Nhà số 07 – Đường Mạc Đăng Dung, khu Hợp Thành, Phường Đông Mai – Thị xã Quảng Yên – Tỉnh Quảng Ninh.*
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: *Kiên cố; Cấp công trình: Nhà cấp 3.*
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: *120m².*
- Giá trị⁽¹⁰⁾: *800.000.000đ*
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: *Không*.
- Thông tin khác (nếu có): *Nhà tự xây trên đất ở.*
- 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): *Kê khai tương tự như nhà thứ nhất. Không*.
- 2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:
- 2.2.1. Công trình thứ nhất:
- Tên công trình: **Nhà bếp và công trình phụ** Địa chỉ: *nằm cùng trên thửa đất được cấp quyền sử dụng: Số 3279, tại khu Hợp Thành, Phường Đông Mai – Thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh*
- Loại công trình: *Kiên cố; Cấp công trình: Cấp 4.*
- Diện tích: *50 m².*
- Giá trị⁽¹⁰⁾: *200.000.000 đ*
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: *Không*.
- Thông tin khác (nếu có): *Tự xây trên đất ở liền kề nhà ở.*
- 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): *Kê khai tương tự như công trình thứ nhất. Không*.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: *Không*.

- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: *Không*.

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: *Không*.

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: *Không*.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: *Không*.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): *Không*.

6.1. Cổ phiếu: *Không*.

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.2. Trái phiếu: *Không*.

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: *Không*.

- Hình thức góp vốn: Giá trị:

- Hình thức góp vốn: Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: *Không*.

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Ô tô **MITSUBISHI XPANDER** (Sản xuất năm 2019). Số đăng ký: **14A 408.79** Giá trị: 500.000.000đ (xe mua lại đã qua sử dụng)

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: *Không*.

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾. *Không*.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: *Không*.

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 200.000.000 đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 160.000.000 đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: *Không*.

- Tổng các khoản thu nhập chung: 20.000.000 đ

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp			

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
Xe Ô tô Xpander 500.000.000đ		-50.000.000đ	Giảm 50 triệu đồng khấu hao ô tô.
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .		420.000.000đ	Thu nhập từ lương, thưởng, phụ cấp, quản lý DHTT của chồng là 230.000.000đ Thu nhập từ lương, thưởng, phụ cấp, trông bán trú của vợ là 170.000.000đ Thu nhập chung từ chăn nuôi trồng trọt là 20.000.000đ

Quảng Yên, ngày 15 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Vũ Đức Đức

Quảng Yên, ngày 18 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Nguyễn Quang Duy